

Tuyên Quang, ngày 13 tháng 10 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 10 năm 2023, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 67/2023/TLST- DS, ngày 16 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1)**

Địa chỉ: **Số nhà G, phố T, quận H, thành phố Hà Nội**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Quang H** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Bùi Hữu L** - Chức vụ: Giám đốc **chi nhánh T**.

Địa chỉ: **Số A- đường N, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang**.

Người được ủy quyền lại: Ông **Bùi Quang H1**, sinh năm 1973. Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân, **Chi nhánh T**.

* Bị đơn: - Ông **Nguyễn Trọng H2**, sinh năm 1967

- Bà **Nguyễn Thị H3**, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: **Tổ dân phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

* Về trách nhiệm thanh toán nợ: Ông Nguyễn Trọng H2 và bà Nguyễn Thị H3 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1), chi nhánh T tính đến ngày 05/10/2023 số tiền là: **990.217.361 đồng** (*Chín trăm chín mươi triệu, hai trăm mười bảy nghìn, ba trăm sáu mươi một đồng*), trong đó: tiền gốc là: 750.704.120 đồng (*bảy trăm năm mươi triệu bảy trăm linh tư nghìn một trăm hai mươi đồng*); Tiền lãi tính đến ngày 05/10/2023 là: 239.513.241 đồng (*Hai trăm ba mươi chín triệu năm trăm mười ba nghìn hai trăm bốn mươi một đồng*). (bao gồm lãi trong hạn: 153.931.945 đồng; lãi quá hạn: 76.965.973 đồng; phạt trên lãi quá hạn: 8.615.323 đồng).

Ông Nguyễn Trọng H2 và bà Nguyễn Thị H3 có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện trả gốc và lãi theo nội dung các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên (Hợp đồng thứ nhất: số 851/2019/HĐTDTDH-CN/SHB.112800 ngày 01/7/2019; Hợp đồng thứ hai: số 024/2022/HĐTDTDH-CN/SHB.112800, ngày 15/02/2022, ký hợp đồng số 024/2022/HĐTDTDH-CN/SHB.112800);

Trường hợp ông Nguyễn Trọng H2 và bà Nguyễn Thị H3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên để thu hồi nợ (Hợp đồng chấp quyền sử dụng đất số 851 ngày 01/7/2019, kèm văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp, ngày 10/02/2020 tại Giấy chứng nhận QSD đất số BV 450629, do UBND thành phố T cấp ngày 27/3/2015, tên ông Nguyễn Trọng H2 và bà Nguyễn Thị H3; nhà, đất tại thửa đất số 138, tờ bản đồ số 66, thôn H, xã A (nay là tổ D, phường A), thành phố T).

Ông Nguyễn Trọng H2 và bà Nguyễn Thị H3 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng (hợp đồng thứ nhất: số 851/2019/HĐTDTDH-CN/SHB.112800 ngày 01/7/2019; hợp đồng thứ hai: số 024/2022/HĐTDTDH-CN/SHB.112800, ngày 15/02/2022, ký hợp đồng số 024/2022/HĐTDTDH-CN/SHB.112800) giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) với ông Nguyễn Trọng H2 và bà Nguyễn Thị H3.

* Về án phí: Ông Nguyễn Trọng H2 và bà Nguyễn Thị H3 phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch của vụ án: 20.853.260 đồng (*Hai mươi triệu tám trăm năm mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi đồng*). Chia ra:

- Ông Nguyễn Trọng H2 phải nộp 10.426.630 đồng (*Mười triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi đồng*);

- Bà Nguyễn Thị H3 phải nộp: 10.426.630 đồng (*Mười triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi đồng*);

Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1), chi nhánh T không phải chịu án phí của vụ án và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.093.800 đồng (*Mười chín triệu, không trăm chín mươi ba nghìn, tám trăm đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0000869 ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ VA+ TA

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà